TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **37** /2025/DS- ST
Ngày 11/9/ 2025

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân : 1/ Ông Lã Văn Minh; 2/ Bà Vi Thị Tú;

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST- DS, ngày 26/5/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXX – ST, ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số G L, phường L, thành phố Hà Nội; do ông Ngô Chí D, Chức vụ; Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đức A - Chức danh: Chuyên viên xử lý nợ; Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nông Xuân B, sinh năm 1992; vắng mặt.
Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã S, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP V trình bày:

Ngày 29/9/2023, Ngân hàng TMCP V (V1) – Chi nhánh B1 (Nay là Bắc Ninh) với anh Nông Xuân B có ký hợp đồng cho vay số 374-P-8589204, ngày 02/10/2023 số tiền giải ngân là 49.800.000đ, đồng. Hợp đồng cho vay số LD2327501482, ngày 02/10/2023 số tiền giải ngân là 60.000.000đ.

Cả hai hợp đồng nêu trên đều vay với mục đích tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay là lãi suất điều chỉnh đối với khoản vay có thời hạn trên 12

tháng lãi suất cho vay tối đa là 26% được cố định từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất. Lãi suất cho vay điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng với thời hạn cho vay được đề nghị nêu tại phần II này này cộng biên độ điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tổng số tiền anh B vay Ngân hàng là 109.800.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Nông Xuân B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã cam kết trong hợp đồng vay đối với Ngân hàng về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, đến nay hợp đồng tín dụng đã quá hạn; Hợp đồng số 374-P-374-P-8589204 đã quá hạn 517 ngày và hợp đồng số LD2327500148 đã quá hạn 573 ngày.

Tính đến ngày 10/9/2025, tổng dư nợ của anh Nông Xuân B còn phải thanh toán cho Ngân hàng V2 là: Hợp đồng 374-P-374-P-8589204, tiền gốc nợ 49.799.000đ, tiền lãi và lãi quá hạn là 131.558.268; tổng gốc và lãi = 181.357.268đ. Hợp đồng số LD2327501482 trong đó nợ gốc là 58.752.944đ, tiền lãi và lãi quá hạn là 45.095.987đ; tổng gốc và lãi = 103.848.931đ.

N đề nghị Tòa án giải quyết, buộc anh Nông Xuân B phải trả cho Ngân hàng V2 toàn bộ số tiền gốc và lãi đối với 02 hợp đồng trên.

Đề nghị Quý Tòa tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 11/9/2025 cho đến khi anh Nông X Bách thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng nợ đã ký. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

[2] Bị đơn anh Nông Xuân B hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án giao cho gia đình anh B và niêm yết tại địa phương thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để anh B biết đến làm việc tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặtoHoaf vẫn v, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh B.

[3] Đại diện của Viện kiểm sát phát biểu về tố tụng và quan điểm việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc anh Nông Xuân B phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/9/2025 là 285.206.199đ; trong đó nợ gốc là 108.552.943đ và lãi khoản vay 176.653.256đ.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nông Xuân B còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất anh B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Anh Nông Xuân B phải chịu là 14.250.000đ án phí DSST. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền 6.025.000đ đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu anh Nông Xuân B trả tiền vay; anh B vay mục đích là để tiêu dùng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn anh Nông Xuân B vắng mặt không có lý do, đại diện Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng vắng nên Hội đồng xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tranh chấp Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với anh Nông Xuân B áp dụng Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP V khởi kiện anh Nông Xuân B do thực hiện không đúng hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu anh B phải trả tiền gốc + lãi và lãi quá hạn. Anh Nông Xuân B đã vi phạm cam kết trả nợ nên Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo luật định theo Điều 35 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng TMCP V cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình: Hợp đồng tín dụng số 374-P-374-P-8589204 và Hợp đồng tín dụng số LD2327501482; đơn đề nghị giải ngân; CMTND, sổ hộ khẩu và giấy tờ pháp lý của anh Nông Xuân B; hồ sơ pháp lý (Điều lệ, giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập).

Bị đơn anh Nông Xuân B vắng mặt nên không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp".*

Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V cung cấp, ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

Ngày 29/9/2023, Ngân hàng TMCP V (V1) – Chi nhánh B1 (Nay là Bắc Ninh) với anh Nông Xuân B có ký hợp đồng cho vay số 374-P-8589204, ngày 02/10/2023 số tiền giải ngân là 49.800.000đ, đồng. Hợp đồng cho vay số LD2327501482, ngày 02/10/2023 số tiền giải ngân là 60.000.000đ.

Cả hai hợp đồng nêu trên đều vay với mục đích tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay là lãi suất điều chỉnh đối với khoản vay có thời hạn trên 12 tháng lãi suất cho vay tối đa là 26% được cố định từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất. Lãi suất cho vay điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng với thời hạn cho vay được đề nghị nêu tại phần II này này cộng biên độ điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tổng số tiền anh B vay Ngân hàng là 109.800.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Nông Xuân B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã cam kết trong hợp đồng vay đối với Ngân hàng về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, đến nay hợp đồng tín dụng đã quá hạn; Hợp đồng số 374-P-374-P-8589204 đã quá hạn 517 ngày và hợp đồng số LD2327500148 đã quá hạn 573 ngày.

Tính đến ngày 10/9/2025, tổng dư nợ của anh Nông Xuân B còn phải thanh toán cho Ngân hàng V2 là: Hợp đồng 374-P-374-P-8589204, tiền gốc nợ 49.799.000đ, tiền lãi và lãi quá hạn là 131.558.268; tổng gốc và lãi = 181.357.268đ. Hợp đồng số LD2327501482 trong đó nợ gốc là 58.752.944đ, tiền lãi và lãi quá hạn là 45.095.987đ; tổng gốc và lãi = 103.848.931đ. Ngân hàng đã đòi nhiều lần nhưng anh B không trả nên đã vi phạm điều khoản của hợp đồng hai bên đã ký kết.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V; buộc anh Nông Xuân B phải trả số tiền 285.206.199đ; trong đó nợ gốc là 108.552.943đ và lãi khoản vay 176.653.256đ.

Về lãi: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nông Xuân B còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất anh B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP V được chấp nhận nên anh Nông Xuân B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 227, 228, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng 2010; Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc anh Nông Xuân B phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 11/9/2025 là 285.206.199đ (*Hai trăm tám mươi năm triệu, hai trăm linh sáu nghìn, một trăm chín chín đồng*); trong đó nợ gốc là 108.552.943đ và lãi khoản vay 176.653.256đ.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nông Xuân B còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất anh B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2] Về án phí: Anh Nông Xuân B phải chịu là 14.260.000đ án phí DSST. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền 6.255.000đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai số 0005448 ngày 26/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh).

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - BN;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 5 – BN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn